

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Năm 2022

1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài | Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí |
|---------------------------------|--|-------------------|---|---|-------------------------------------|
| ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | | | Đạt tiêu chuẩn | Đạt tiêu chuẩn | |
| | Tổng điểm | 100 | 99 | 92 | 92% |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý | 12 | 12 | 12 | 100% |
| | Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố, công khai. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các VB quy định về tổ chức và quản lý của trường | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|
| | được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa/ bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|---|-----------|-----------|-----------|--------------|
| | nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. | | | | |
| 2 | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 17 | 17 | 15 | 88,2% |
| | Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. | 1 | 1 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. | 1 | 1 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung CT đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|--|
| | đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận TN, đánh giá kết quả học | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|--|-----------|-----------|-----------|--------------|
| | tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | 1 | 1 | 1 | |
| 3 | Tiêu chí 3. Nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động | 15 | 15 | 13 | 86,7% |
| | Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. | 1 | 1 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|--|
| Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 | 0 | |
| Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ CBQL của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|--|-----------|-----------|-----------|------------|
| | duỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ | 1 | 1 | 1 | |
| 4 | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 15 | 15 | 14 | 93% |
| | Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ GCNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | |
|--|---|---|---|--|
| Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật, điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ CT đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. | 1 | 1 | 0 | |
| Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 1 | 1 | 1 | |
| Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|---|-----------|-----------|-----------|------------|
| | Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| 5 | Tiêu chí 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 15 | 14 | 12 | 80% |
| | Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học LT, phòng học TH, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|
| | sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1 | 1 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|--|----------|----------|----------|-------------|
| | nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. | 1 | 1 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. | 1 | 0 | 0 | |
| | Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các GT, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 1 | 1 | 1 | |
| 6 | Tiêu chí 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế | 5 | 5 | 5 | 100% |
| | Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|--|----------|----------|----------|-------------|
| | cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | 1 | 1 | |
| 7 | Tiêu chí 7. Quản lý tài chính | 6 | 6 | 6 | 100% |
| | Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia SX, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường. | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|---|----------|----------|----------|-------------|
| | Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. | 1 | 1 | 1 | |
| 8 | Tiêu chí 8. Dịch vụ người học | 9 | 9 | 9 | 100% |
| | Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|--|----------|----------|----------|-------------|
| | Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. | 1 | 1 | 1 | |
| 9 | Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng | 6 | 6 | 6 | 100% |
| | Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|--|
| | phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | | | | |
| | Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. | 1 | 1 | 1 | |
| | Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. | 1 | 1 | 1 | |

2. Điểm cần cải thiện của trường:

Kết quả tuyển sinh một số ngành nghề của trường chưa đạt tỉ lệ theo quy định.

Chưa đa dạng hóa các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học.

Một số giáo viên chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định.

Nhà giáo tham bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất chưa đảm bảo tỉ lệ theo quy định.

Giáo trình của trường chủ yếu là lựa chọn giáo trình từ các đơn vị khác hoặc giáo trình của các trường đại học, cao đẳng nên giáo trình một số các ngành nghề chưa cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

Thiết bị đào tạo chưa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề theo quy định.

Trường chưa có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật cho tất cả các ngành nghề đào tạo.

Thư viện chưa bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Chưa có đủ mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

2. Những khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài đối với Trường:

Tăng cường biện pháp và hình thức tuyển sinh đáp ứng chỉ tiêu được giao hàng năm.

Đa dạng hóa các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học.

Tăng cường nhiều giải pháp hiệu quả hơn nữa để nhà giáo của trường được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề theo quy định Bộ LĐTBXH.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức cho Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Tổ chức biên soạn giáo trình đủ cho các ngành nghề đào tạo đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

Trường cần có kế hoạch bổ sung những thiết bị còn thiếu so với danh mục thiết bị tối thiểu do bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành và theo quy định trong chương trình đào.

Xây dựng định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo cho 100% các ngành nghề của trường theo quy định.

Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung diện tích thư viện đảm bảo theo qui định tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”) và bảo đảm đủ số lượng bản in các giáo trình giảng dạy theo qui định.

